

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2018/HSST
Ngày 26/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Cẩm và bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Ông Trần Tổ Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 298/2018/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018, đối với:

Bị cáo LƯƠNG LUÂN Đ (Tên gọi khác: Tư Đ)

Sinh ngày: 06/3/1983, tại: Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Lương Ngọc D, sinh năm 1950 và con bà Mai Thị Kim D, sinh năm 1958; đều trú tại: Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 04/02/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk, thời hạn 24 tháng, theo Quyết định số 42/QĐ- TA. Đến ngày 31/10/2017, chấp hành xong Quyết định.

- Nhân thân: + Ngày 05/9/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 15 tháng tù, về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số: 291/HSST. Ngày 06/3/2002, chấp hành xong hình phạt.

+ Ngày 24/5/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm, xử phạt 24 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định

tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số 100/HSST. Ngày 03/9/2004, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm, giữ nguyên mức hình phạt 24 tháng tù, tại Bản án số 141/HSPT. Ngày 23/12/2005, chấp hành xong hình phạt.

+ Ngày 29/12/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số 421/2008/HSS). Ngày 29/11/2010, chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/9/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Ông Trần Văn U. Sinh năm: 1959.

Trú tại: Tổ dân phố B, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Ông U có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Quang V. Sinh năm 1988.

Trú tại: Đường D, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Ông Lương Ngọc D. Sinh năm 1950.

Trú tại: Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Xuân K. Sinh năm: 1986.

Trú tại: Tổ dân phố B, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Bà Hoàng Thị N. Sinh năm 1965.

Trú tại: Tổ dân phố B, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lương Luân Đ bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lương Luân Đ là đối tượng nghiện chất ma túy, do không có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân nên Đ nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Vào khoảng 13 giờ ngày 05/9/2018, Đ điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 47- 850FC, đi dạo trên các tuyến đường thuộc địa bàn phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột tìm nhà dân sơ hở trong quản lý tài sản để trộm cắp. Khi đi đến nhà ông Trần Văn U, tại địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, Đ thấy cửa cổng và cửa chính nhà ông U đang mở. Đ dừng lại và để chiếc xe mô tô ngoài đường, rồi đi bộ vào nhà ông U tìm tài sản để trộm cắp. Khi vào bên trong phòng khách nhà ông U, Đ thấy bà Hoàng Thị N, là vợ ông U đang nằm ngủ trên ghế sofa cạnh chiếc bàn uống nước. Do mặt bàn được làm bằng kính trong suốt, nên Đ nhìn thấy trong ngăn kéo của chiếc bàn này có 02 chiếc điện thoại di động, gồm: 01 chiếc nhãn hiệu Oppo A37 và 01 chiếc nhãn hiệu Oppo A39 (đều có màu vàng). Đ lén lút đi lại mở ngăn kéo bàn uống nước trộm cắp 02 chiếc điện thoại này bỏ vào trong túi quần, rồi đi ra ngoài. Ngay lúc này, ông U đi công việc về và phát hiện thấy Đ từ trong nhà đi ra, nên truy hô. Đ chạy

ra và lên xe mô tô biển số 47- 850FC điều khiển bỏ chạy. Lúc này anh Trần Xuân K, là con ông U từ sau nhà chạy lên nhìn thấy liền lấy xe mô tô đuổi theo Đ. Do xe của Đ là xe có phân khối thấp, biết không chạy thoát khỏi sự truy đuổi của anh K, nên Đ bỏ lại xe máy biển số 47-850FC và chạy bộ thoát thân. Sau đó, Đ đón xe Taxi (không rõ nhân thân lai lịch người điều khiển) đi đến tiệm cầm đồ, tại địa chỉ: 315 Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột cầm cố 02 chiếc điện thoại di động trộm cắp tại nhà ông U cho anh Nguyễn Quang V, là chủ tiệm lấy số tiền 1.600.000 đồng. Số tiền này Đ đã tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết. Quá trình điều tra, ông Lương Ngọc D (là cha ruột Lương Luân Đ) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Nguyễn Quang V số tiền 1.600.000 đồng là tiền anh V đưa cho Đ khi nhận cầm cố 02 chiếc điện thoại di động. Anh Nguyễn Quang V đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A39, là vật chứng của án để phục vụ công tác điều tra

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 188/KLĐG ngày 13 tháng 9 năm 2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu vàng, trị giá 1.200.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39, màu vàng, trị giá 1.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 310/CT-VKSTP.BMT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Lương Luân Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lương Luân Đ từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả lại cho ông Trần Văn U 02 chiếc điện thoại di động.

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả lại cho ông Lương Ngọc D quản lý, sử dụng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 47-850FC, vì bị cáo Đ sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội ông D không biết.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như trong bản Cáo trạng; bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo còn trình bày, trong lúc anh Trần Xuân K (con ông U) đuổi theo bị cáo, anh Kỳ có dùng 1 cây gỗ đánh vào tay của bị cáo gây thương tích. Nhưng bị cáo không có chứng cứ gì để chứng minh, do đó, bị cáo không yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Lương Luân Đ tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo là người nghiện ma túy từ năm 2013. Vào khoảng 13 giờ ngày 05/9/2018, tại nhà ông Trần Văn U (tổ dân phố 4, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột), Lương Luân Đ đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A37 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A39 của ông Trần Văn U thì bị phát hiện xử lý. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 2.900.000 đồng.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Xét tính chất của vụ án, xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là công dân có đủ nhận thức tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ và biết rõ mọi hành vi xâm hại đến tài sản của người khác đều phải bị trừng trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật và động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động, lợi dụng sơ hở của gia đình ông U trong việc quản lý tài sản, bị cáo Đ đã lén lút chiếm đoạt của ông Trần Văn U 02 chiếc điện thoại di động, trị giá tài sản là: 2.900.000 đồng. Hành vi của bị cáo không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm hại đến trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Bị cáo đã có 01 tiền sự, ngày 04/02/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở

cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk, thời hạn 24 tháng, theo Quyết định số 42/QĐ- TA. Đến ngày 31/10/2017, chấp hành xong Quyết định.

Xét về nhân thân: Ngày 05/9/2001, bị cáo đã bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 15 tháng tù, về tội “Cướp tài sản”, tại Bản án số: 291/HSST. Ngày 06/3/2002, chấp hành xong hình phạt; ngày 24/5/2004, bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm, xử phạt 24 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 100/HSST. Ngày 03/9/2004, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm, giữ nguyên mức hình phạt 24 tháng tù, tại Bản án số 141/HSPT. Ngày 23/12/2005, chấp hành xong hình phạt; ngày 29/12/2008, bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”, tại Bản án số 421/2008/HSS). Ngày 29/11/2010, chấp hành xong hình phạt.

Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học để tự sửa chữa, cải tạo bản thân trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục phạm tội. Do đó, HĐXX thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo; đồng thời đủ sức răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Song, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Quang V số tiền 1.600.000 đồng, là tiền anh V đưa cho Đ khi nhận cầm cố 02 chiếc điện thoại di động. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với người phạm tội.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo Đ, Hội đồng xét xử xét thấy chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như nhân thân của bị cáo. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc hơn, tương xứng với tính chất hành vi của bị cáo nhằm bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Tại phiên tòa, bị cáo còn trình bày, trong lúc anh Trần Xuân K (con ông U) đuổi theo bị cáo, anh K có dùng 1 cây gỗ đánh vào tay của bị cáo gây thương tích. Nhưng bị cáo không có chứng cứ gì để chứng minh và bị cáo cũng không yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết, nên HĐXX không đặt ra đề giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Quang V là người đã mua 02 chiếc điện thoại di động từ bị cáo Lương Luân Đ, nhưng anh V không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với việc bị cáo đã sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 47-850FC của ông Lương Ngọc D làm phương tiện phạm tội, nhưng ông D không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý là phù hợp.

[3] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả lại cho ông Trần Văn U 02 chiếc điện thoại di động; trả lại cho ông Lương Ngọc D quản lý, sử dụng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 47-850FC, vì bị cáo Đ sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội ông D không biết.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn U, anh Nguyễn Quang V và ông Trần Ngọc D không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

[1] Tuyên bố:

Bị cáo Lương Luân Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt Lương Luân Đ: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 06/9/2018.

[2] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả lại cho ông Trần Văn U 02 chiếc điện thoại di động.

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả lại cho ông Lương Ngọc D quản lý, sử dụng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 47-850FC, vì bị cáo Đ sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội ông D không biết.

(Đặc điểm như trong Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 05/10/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột với ông Trần Văn U và ông Lương Ngọc D).

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn U, anh Nguyễn Quang V và ông Trần Ngọc D không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lương Luân Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Bị hại, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh,VKSND Tp.BMT;
- TAND tỉnh;
- Công an Tp.BMT;
- CCTHADS TP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải